

KHÁI LƯỢC THỰC TRẠNG DÂN SỐ VÀ NHÀ Ở NĂM 2019 TỈNH BẮC NINH

*ThS. Khổng Văn Thăng**

Tóm tắt:

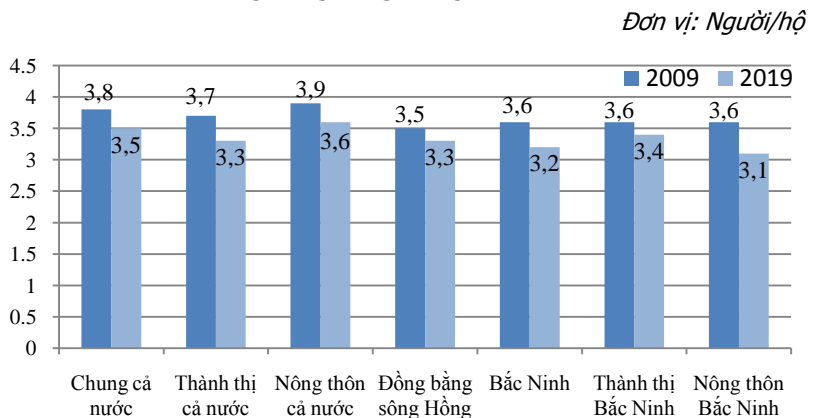
Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019 là một trong ba cuộc Tổng điều tra thống kê quốc gia được quy định trong Luật Thống kê. Nhằm mục đích thu thập thông tin cơ bản về dân số và nhà ở trên phạm vi cả nước cũng như từng địa phương phục vụ cho việc hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương, đồng thời là căn cứ để giám sát các Mục tiêu phát triển bền vững mà Chính phủ Việt Nam đã cam kết thực hiện. Cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 được thực hiện trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ. Do đó, lần đầu tiên nước ta tiến hành ứng dụng công nghệ thông tin trong tất cả các công đoạn của cuộc Tổng điều tra. Đối với tỉnh Bắc Ninh, đã sử dụng 100% phiếu điều tra điện tử thu thập thông tin trong cuộc Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019. Do đó, kết quả sơ bộ Tổng điều tra đã được công bố sớm hơn gần 2 tháng so với Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009.

1. Tổng số hộ và quy mô hộ dân cư

Tại thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2019, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 424.623 hộ, tăng 143.792 hộ (52,2%) so với thời điểm 0 giờ ngày 01/4/2009, cao hơn tỷ lệ tăng của cả nước là 34,2 điểm phần trăm (cả nước tăng 18,0%). Như vậy, sau 10 năm, tỷ lệ tăng số hộ bình quân/năm là 4,2%, tăng nhanh nhất mọi thời kỳ và hơn 1,5 điểm phần trăm so thời kỳ 1999-2009 và cao hơn bình quân chung cả nước là 2,4 điểm phần trăm/năm (cả nước là 1,8%/năm).

Số hộ của các huyện biến động tăng không đều, tập trung lớn ở các huyện, thị xã, thành phố có khu công nghiệp tập trung. Huyện có số hộ tăng nhiều nhất là Yên Phong, tăng 100,2%; tiếp đến là huyện Tiên Du, tăng 76,6%; thấp nhất là huyện Gia Bình tăng 9,8%.

Hình 1: Quy mô người/hộ bình quân tỉnh Bắc Ninh, Đồng bằng sông Hồng và cả nước



Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

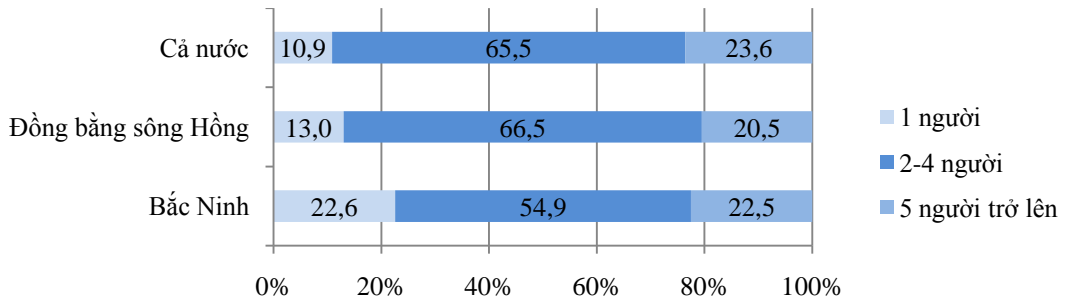
** Phó Cục trưởng, Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh*

THÔNG KÊ QUỐC TẾ VÀ HỘI NHẬP

Về quy mô hộ thời điểm 1/4/2019, bình quân mỗi hộ gia đình của tỉnh Bắc Ninh có 3,2 người/hộ, thấp hơn 0,4 người/hộ so năm 2009, thấp hơn 0,3 người/hộ so cả nước và 0,1 người/hộ so khu vực Đồng bằng sông Hồng. Xét theo khu vực, số người/hộ bình

quân khu vực thành thị tỉnh Bắc Ninh cao hơn khu vực thành thị cả nước là 0,1 người/hộ; số người/hộ của khu vực nông thôn tỉnh Bắc Ninh lại thấp hơn số người/hộ của khu vực nông thôn cả nước là 0,5 người/hộ.

Hình 2: Cơ cấu quy mô người/hộ tỉnh Bắc Ninh, Đồng bằng sông Hồng và cả nước (%)



Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Hình 2 cho thấy, tỷ lệ hộ có quy mô hộ 01 người tỉnh Bắc Ninh cao hơn cả nước 11,7 điểm phần trăm và cao hơn Đồng bằng sông Hồng là 9,6 điểm phần trăm; quy mô hộ từ 2 đến 4 người tỉnh Bắc Ninh lại thấp hơn cả nước là 10,6 điểm phần trăm và thấp hơn Đồng bằng sông Hồng 11,6 điểm phần trăm. Có thể thấy, từ quy mô hộ hình chóp 4 người/hộ nhiều nhất (năm 2009) giảm dần sang 2 bên, thì đến nay (2019) đã không còn phổ biến đối với các huyện, thành phố phía Nam sông Đuống (trừ thị xã Từ Sơn). Nguyên nhân do dân di cư đến làm ăn tăng

đột biến và hộ thường thuê nhà ở độc thân hoặc ghép chung với 1 người khác.

2. Quy mô và mật độ dân số

Tại thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2019, quy mô dân số toàn tỉnh Bắc Ninh là 1.368.840 người, trong đó có 376.418 người sống ở khu vực thành thị, chiếm 27,5% và 992.422 người sống ở khu vực nông thôn, chiếm 82,5% tổng dân số. Dân số nam là 576.060 người, chiếm 49,4% và nữ là 692.780 người, chiếm 50,6% tổng dân số. Như vậy, dân số tỉnh Bắc Ninh đứng thứ 21 cả nước và thứ 6 vùng Đồng bằng sông Hồng.

Bảng 1: Quy mô dân số và mức tăng, tốc độ tăng dân số qua hai kỳ Tổng điều tra

Chỉ tiêu	Thời điểm		Mức độ và tốc độ tăng dân số	
	01/4/2009 (Người)	01/4/2019 (Người)	Dân số 2019 tăng so với 2009 (Người)	Tốc độ tăng BQ 2009- 2019 (%)
Toàn tỉnh	1.024.151	1.368.840	344.689	2,94
Phân theo giới tính				
+ Nam	503.200	676.060	172.860	3,00
+ Nữ	520.951	692.780	171.829	2,89
Phân theo khu vực				
+ Thành thị	241.723	376.418	134.695	4,53
+ Nông thôn	782.428	992.422	209.994	2,41

Phân theo đơn vị hành chính

Thành phố Bắc Ninh	164.307	247.702	83.395	4,19
Thị xã Từ Sơn	140.040	176.410	36.370	2,34
Huyện Yên Phong	126.660	192.674	66.014	4,28
Huyện Quế Võ	135.938	195.666	59.728	3,71
Huyện Tiên Du	124.396	176.460	52.064	3,56
Huyện Thuận Thành	144.536	171.942	27.406	1,75
Huyện Gia Bình	92.269	103.517	11.248	1,16
Huyện Lương Tài	96.326	104.469	8.143	0,81

Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Sau 10 năm, quy mô dân số Bắc Ninh tăng thêm 334.368 người (tăng 33,6% so năm 2009). Trung bình mỗi năm dân số Bắc Ninh tăng thêm 2,94%/năm; trong khi bình quân cả nước là 1,14%/năm; vùng Đồng bằng sông Hồng là 1,41%/năm. Mức tăng như vậy, tỉnh Bắc Ninh đã đứng thứ 2 cả nước, chỉ sau tỉnh Bình Dương là 4,93%/năm và cao nhất trong các kỳ Tổng điều tra. Dân số hàng năm tăng nhanh do cả 2 nhân tố là tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1,3%/năm do mức sinh cao và tỷ suất di cư thuần tử trạng thái âm của giai đoạn Tổng điều tra trước sang di cư thuần dương (khoảng 1,6%/năm) trong Tổng điều tra lần này, do nhiều lao động ngoại tỉnh và con em Bắc Ninh đi học, đi làm ăn xa nay quay về làm việc và sinh sống tại tỉnh tăng đột biến nhờ điều kiện làm

việc và sinh sống tại tỉnh được cải thiện nhanh. Xét theo đơn vị hành chính, dân số tăng nhanh, nhất là các huyện, thành phố và thị xã có các Khu công nghiệp tập trung đã làm quy mô, cơ cấu nam-nữ và tỷ trọng dân số các đơn vị này biến động mạnh. Đến nay tỷ trọng dân số thành phố Bắc Ninh đã chiếm 18,1% toàn tỉnh, tiếp đến là huyện Quế Võ 14,3%, huyện Yên Phong 14,1%; trong khi đó huyện Gia Bình và Lương Tài chỉ chiếm 7,6% tổng dân số cả tỉnh.

Về mật độ dân số, do dân số tăng nhanh đã kéo theo mật độ dân số cũng tăng theo. Mật độ dân số của tỉnh Bắc Ninh là 1.664 người/km², đứng thứ 3 cả nước chỉ sau TP.Hồ Chí Minh (4.363 người/km²) và Thủ đô Hà Nội (2.398 người/km²).

Bảng 2: Mật độ dân số tỉnh Bắc Ninh qua hai kỳ Tổng điều tra

Đơn vị hành chính	Mật độ dân số (Người/km ²)		Năm 2019 so với 2009	
	01/4/2009	01/4/2019	Tuyệt đối (người/km ²)	Tương đối (%)
Cả nước	259	290	31	12,0
Đồng bằng sông Hồng	930	1.060	130	14,0
Toàn tỉnh Bắc Ninh	1.245	1.664	419	33,7
Thành phố Bắc Ninh	1.989	2.998	1.009	50,8
Thị xã Từ Sơn	2.285	2.876	591	25,9
Huyện Yên Phong	1.307	1.989	682	52,2
Huyện Quế Võ	878	1.264	386	43,9
Huyện Tiên Du	1.300	1.844	544	41,9
Huyện Thuận Thành	1.226	1.458	232	18,9
Huyện Gia Bình	856	960	104	12,2
Huyện Lương Tài	911	989	78	8,5

Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

➤ ➤ ➤ THÔNG KÊ VÀ CUỘC SỐNG

Bảng 2 cho thấy mật độ dân số tỉnh Bắc Ninh phân bố không đồng đều. Trong 8 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh thì có 2 huyện Gia Bình và Lương Tài mật độ dân số dưới 1.000 người/km² (898 và 960 người/km²); chỉ bằng 1/3 mật độ dân số của thành phố Bắc Ninh và thị xã Từ Sơn (2.998 và 2.876 người/km²); Các huyện khác mật độ dân số khá cao và đang tăng rất nhanh như: Huyện Yên Phong 1989 người/km², huyện Tiên Du 1844 người/km².

3. Tỷ số giới tính của dân số

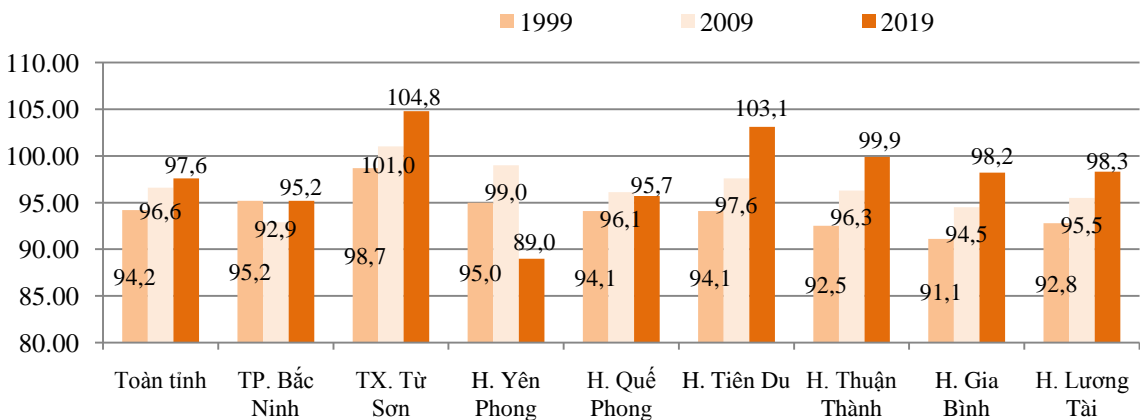
Tỷ số giới tính của dân số được tính bằng dân số nam trên 100 dân số nữ. Năm 1999 tỷ số giới tính chung của dân số tỉnh Bắc Ninh là 94,2 nam/100 nữ thì đến năm 2009 là 96,4 nam/100 nữ và năm 2019 là 97,7 nam/100 nữ, so với cả nước tỷ số giới tính của Bắc Ninh vẫn thấp hơn (cả nước

99,1 nam/100 nữ) so với vùng Đồng bằng sông Hồng, tỉnh Bắc Ninh lại cao hơn (Đồng bằng sông Hồng là 98,3 nam/100 nữ). Như vậy, chỉ số giới tính chung đang có xu hướng tăng dần, song mất cân bằng giới tính ở các độ tuổi ngày càng gia tăng nhất là tỷ số giới tính khi sinh khoảng 118 nam/100 nữ; trong khi chỉ số giới tính người cao tuổi ngày càng giảm sâu.

Giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh cũng có khác biệt về tỷ số giới tính. Thị xã Từ Sơn và huyện Tiên Du có tỷ số giới tính cao nhất, tương ứng 104,8 nam/100 nữ và 103,1 nam/100 nữ, trong khi đó huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh và huyện Quế Võ có tỷ số giới tính thấp nhất (89,0 nam/100 nữ; 95,2 nam/100 nữ và 95,7 nam/100 nữ).

Hình 3: Tỷ số giới tính tỉnh Bắc Ninh qua 3 kỳ Tổng điều tra

Đơn vị tính: %



Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

4. Dân số phân theo dân tộc

Tính đến 0 giờ ngày 01/4/2019, tổng số người dân tộc Kinh là 1.292.965 người (chiếm 94,5%) và số người dân tộc khác là 75.875 người (chiếm 5,5%). So với kỳ Tổng điều tra dân số năm 2009, dân số mang dân

tộc khác đã tăng lên 5,17% do lượng người dân tộc khác với dân tộc Kinh di cư về các huyện có các Khu công nghiệp tập trung để sinh sống và làm việc khá nhiều, như: Huyện Yên Phong chiếm 5,1%, huyện Quế Võ chiếm 8,8%...

5. Hôn nhân

Hôn nhân là một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến mức sinh và di cư, qua đó ảnh hưởng trực tiếp đến sự thay đổi của dân số. Kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy trình trạng hôn nhân của dân số có những biến động: Tỷ lệ chưa vợ/chồng giảm 1,5 điểm phần trăm, từ 22,9% xuống còn 21,4% so với năm 2009; tỷ lệ có vợ, có chồng tăng 2 điểm phần trăm từ 69,5% lên 71,5% so với năm 2009. Số liệu cho thấy xu hướng tuổi kết hôn được trẻ hóa làm cho số người từ 15 tuổi trở lên có vợ, có chồng tăng so thời kỳ 10 về trước; tỷ lệ góa giảm 0,7 điểm %. Riêng tỷ lệ ly hôn và ly thân lần lượt tăng 0,4% và 0,1% là những chỉ số biến động tiêu cực song cũng phù hợp với xu

hướng nhịp sống đô thị hóa, cùng với đời sống kinh tế - xã hội phát triển đã làm cho truyền thống gia đình bị nhiều yếu tố tiêu cực tác động.

6. Giáo dục

Về tình hình đi học chung, tỷ lệ đi học là chỉ tiêu phản ánh đầu vào của giáo dục. Tỷ lệ đi học chung là số học sinh/sinh viên đang tham gia vào một cấp giáo dục, không kể tuổi, tính trên 100 người trong tuổi đến trường của cấp học đó. Kết quả sơ bộ Tổng điều tra năm 2019 cho thấy, tỷ lệ đi học chung của bậc tiểu học là 101,3%, bậc THCS là 97,5%, bậc THPT là 86,5%. Một tỷ lệ khá cao so bình quân cả nước và tương đương vùng Đồng bằng sông Hồng với các tỷ lệ tương ứng là 101,1%, 97,4% và 87,0%.

Bảng 3: Tỷ lệ đi học chung phân theo cấp học thời điểm 01/4/2019

	<i>Đơn vị: %</i>			
	Tiểu học	THCS	THPT	Sau THPT
Toàn tỉnh	101,3	97,5	86,5	20,9
Phân theo khu vực				
Thành thị	101,1	97,9	88,5	38,2
Nông thôn	101,3	97,4	85,8	15,7
Phân theo giới tính				
Nam	101,3	97,5	85,6	22,8
Nữ	101,2	97,7	87,5	19,4
Đơn vị hành chính cấp huyện				
Thành phố Bắc Ninh	100,9	97,8	85,2	26,2
Thị xã Từ Sơn	101,0	97,7	88,2	32,4
Huyện Yên Phong	101,6	97,0	86,5	9,2
Huyện Quế Võ	102,1	97,1	82,6	13,0
Huyện Tiên Du	100,2	100,1	87,1	18,1
Huyện Thuận Thành	101,6	97,2	88,6	34,7
Huyện Gia Bình	101,8	96,0	81,9	20,5
Huyện Lương Tài	101,3	97,1	93,4	25,4

Nguồn: Kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019

Tỷ lệ biết chữ của dân số 15 tuổi trở lên là 98,8%, tăng 2 điểm phần trăm so với năm 2009. Trong 10 năm qua, tỷ lệ biết chữ của nữ tiếp tục tăng nhanh hơn của nam (tăng tương ứng 3,2% so với 0,6%); khu vực nông

thôn cũng tiếp tục tăng nhanh hơn khu vực thành thị (tăng tương ứng 2,2% và 1,9%), làm cho chênh lệch về tỷ lệ biết chữ giữa nam và nữ, thành thị và nông thôn được thu hẹp. Nhìn chung bất bình đẳng giới trong

giáo dục cơ sở ở Việt Nam nói chung và của tỉnh Bắc Ninh nói riêng gần như được xoá bỏ.

7. Nhà ở

Diện tích nhà ở bình quân đầu người năm 2019 của tỉnh Bắc Ninh đã đạt 29,9 m² sàn/người, cao nhất cả nước và cao hơn bình quân cả nước 6,4 m² sàn/người và cao hơn bình quân vùng Đồng bằng sông Hồng là 4,1 m² sàn/người (vùng có diện tích bình quân sàn/người cao nhất các vùng).

Đối chiếu với Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND tại kỳ họp thứ Năm, ngày 12 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh Khóa XVIII về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022 và định hướng đến năm 2030 là: Mục tiêu thực hiện, giai đoạn 2017-2022, Chỉ tiêu về diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đạt 30,6 m²/người (trong đó: Đô thị là 33,6 m²/người; nông thôn 26,2 m²/người); diện tích nhà ở tối thiểu 10 m² sàn/người. Đến nay, chỉ tiêu chung vẫn kém 0,7 m²/người, khu vực đô thị vẫn thấp hơn Nghị quyết là 0,4 m²/người, riêng nông thôn đến nay đã tăng 2,5 m²/người.

Tuy nhiên, cả tỉnh vẫn còn 5.410 số hộ (số phòng trọ) có diện tích nhà ở nhỏ hơn 6 m² sàn, số hộ tuy ít (1,3% số hộ toàn tỉnh) song tỉnh cần có giải pháp để phấn đấu đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở tối thiểu 6 m² sàn/người như đã nêu trong Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020.

Kết luận

Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, trải qua 10 năm, quy mô dân số tỉnh Bắc Ninh đã tăng với tốc độ khá mạnh so với giai đoạn 10 năm trước. Quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa diễn ra

nhau chóng và mạnh mẽ ở nhiều địa phương đã tác động đến quá trình phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động. Tuy nhiên, với kết quả Tổng điều tra năm 2019, tỉnh Bắc Ninh nói riêng và Việt Nam nói chung cần nỗ lực nhiều hơn nữa trong tiến trình đô thị hóa để phấn đấu đạt mục tiêu "tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45% vào năm 2030" theo Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban chấp hành trung ương về công tác dân số trong tình hình mới. Cũng từ kết quả Tổng điều tra năm 2019 cho thấy trình độ dân trí đã được cải thiện đáng kể. Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên biết đọc biết viết tăng mạnh, hầu hết trẻ em trong độ tuổi đi học phổ thông đều được đến trường, tỷ lệ bình đẳng giới cũng đạt được một số thành công nhất định trong 10 năm qua. Điều kiện nhà ở của các hộ dân cư đã được cải thiện rõ rệt, đặc biệt khu vực thành thị, diện tích nhà ở bình quân đầu người Bắc Ninh đã đứng đầu cả nước. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận dân số đang sống trong các ngôi nhà có diện tích nhỏ. Đây là đối tượng cần được quan tâm trong chính sách cải thiện nhà ở dân cư trong thời gian tới./.

Tài liệu tham khảo:

1. Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh (2019), *Báo cáo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 của tỉnh Bắc Ninh*;
2. Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh (2017), *Nghị quyết 56/2017/NQ-HĐND tại kỳ họp thứ Năm Khóa XVIII về Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2017-2022 và định hướng đến năm 2030, ngày 12 tháng 7 năm 2017*;
3. Tổng cục Thống kê (2019), *Báo cáo kết quả sơ bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, NXB Thống kê.